

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi
giai đoạn 2019-2020 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Thực hiện Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2019-2020 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2019-2020 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, như sau:

1. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa:

Biện pháp công trình	Mức giá (1.000 đồng/ha/vụ)
Tưới tiêu bằng động lực	1.811
Tưới tiêu bằng trọng lực	1.267
Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.539

- Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá bằng 60% mức giá tại biểu trên.

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì mức giá bằng 40% mức giá tại biểu trên.

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì mức giá bằng 50% mức giá tại biểu trên.

- Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá được tính tăng thêm 20% so với mức giá tại biểu trên.

2. Mức giá đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông được tính bằng 40% mức giá đối với đất trồng lúa.

3. Mức giá đối với cấp nước để chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu được tính theo biểu sau:

Các đối tượng dùng nước	Đơn vị	Mức giá theo các biện pháp công trình	
		Bơm	Hồ đập, kênh cống
Cấp nước cho chăn nuôi	đồng/m ³	1.320	900
Cấp nước để nuôi trồng thủy sản	đồng/m ³	840	600
	đồng/m ² mặt thoáng/năm	250	
Cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu	đồng/m ³	1.020	840

- Trường hợp cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu nếu không tính được theo mét khối (m³) thì tính theo diện tích (ha), mức giá bằng 80% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho một năm theo quy định.

4. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi nêu trên là giá không có thuế giá trị gia tăng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước Cao Bằng; Chủ tịch UBND các huyện, Thành phố; Giám đốc Công ty TNHH MTV Thủy nông Cao Bằng và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *h*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Tổng cục Thủy lợi;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh: CT, các PCT; (bản ĐT)
- VP UBND tỉnh: các PCVP;
- Lưu: VT, NL (Kh 25 b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trung Thảo